

Bài văn mẫu Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu được coi là một trong số những anh hùng kiệt xuất có tầm ảnh hưởng lớn đối với cách mạng Việt Nam trong những năm đầu của thế kỉ XX. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình ông chưa một lần được hưởng niềm vui chiến thắng nhưng tình yêu đất nước, khát vọng hòa bình và ý chí đấu tranh của ông luôn là ngọn lửa tiếp thêm nhiệt huyết, đam mê cho nhiều thế hệ sau này. Mà trước hết, thơ ca là mặt trận để ông bộc lộ điều ấy. Lưu biệt khi xuất dương là một bài thơ như thế. Ra đời vào thời điểm, nhà thơ chuẩn bị lên đường sang Nhật để thực hiện chí lớn, tác phẩm đã thể hiện niềm khát khao mãnh liệt, mong chờ một sự nghiệp kinh bang tế thế thay đổi vận mệnh cho nước nhà:

Làm trai phải lạ ở trên đời

...

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi

Bài thơ mở đầu bằng một quan niệm rất quen thuộc của Nho giáo: chí làm trai.v

Làm trai phải lạ ở trên đời,

Há để càn khôn tự chuyển dời.

Nếu đặt trong mạch nguồn của thơ ca trung đại, việc đề cập đến lý tưởng xã hội này là điều rất dễ thấy. Danh tướng đời Trần Phạm Ngũ Lão và sau này là bậc nho sĩ tài tử Nguyễn Công Trứ đã từng đề cập.

Công danh nam tử còn vương nợ,

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu

(Tỏ lòng – Phạm Ngũ Lão)

Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông.

(Đi thi tự vịnh – Nguyễn Công Trứ)

Cái chí của đấng nam nhi ở đây là công, là danh. Họ trông vào đó mà tìm kiếm sự nghiệp, khẳng định bản thân mình trước cuộc đời, trước mọi người. Nhưng cách thể hiện của Phan tiên sinh trong bài thơ này lại gây một ấn tượng mạnh. Cái chí của kẻ làm trai lại trở nên kì vĩ, lớn lao.

Bởi nó được đặt trong một không gian đặc biệt, đó là vũ trụ. Nếu nhìn từ không gian ấy, bậc nam nhi sẽ còn có nhiều khao khát hơn là công và danh. Chữ lạ trong bản dịch thơ tuy hay nhưng chưa làm toát lên được ý nghĩa từ chữ kì trong văn bản gốc. Làm trai phải lạ cần được hiểu là làm được những việc kì lạ, kiệt xuất, phi thường. Muốn làm được điều ấy, người quân tử phải được đặt trong một không gian không thể là trên đời được, mà phải là càn khôn. Vì “đời” tưởng rộng mà hóa ra lại hẹp, mới chỉ là thế giới loài người, còn “càn khôn” là vũ trụ bao la. Cho nên cái hay trong hai câu đề là không gian ấy đến câu thứ hai mới xuất hiện, nó làm tôn lên hình ảnh một bậc nam nhi đại trượng phu, hào kiệt đồng dạng hô vang ở câu đầu rằng phải lạ. Có nghĩa là đáng nam tử đâu chỉ trông chờ, thụ động, phó mặc cho tạo hóa xoay vần, mà phải chủ động, dẫn thân thay đổi cả càn khôn, trời đất, cải tạo cả vũ trụ, giang sơn. Mạnh mẽ hơn là phải biết sống hiển hách, dám mưu đồ những việc lớn, kinh thiên động địa, đất nước lâm nguy thì ra tay cứu nước, thay đổi lịch sử. Cảm hứng sử thi, lãng mạn đã nâng tầm chí làm trai lên một diện mạo mới. Đặt trong bối cảnh ra đời bài thơ, hình ảnh đáng nam nhi mang tầm vóc vũ trụ ấy đã mở đầu cho một khúc khải hoàn ca đầy hùng tráng, phi thường về ý chí và tinh thần yêu nước.

Hai câu đề đã mở ra không gian rộng lớn, đến hai câu thực lại mang tới độ tối đa trong thời gian của đời người:

Trong khoảng trăm năm cần có tớ,

Sau này muôn thuở, há không ai?

Trong quan niệm chung về đáng nam nhi ở trên, Phan Bội Châu đã nêu lên được ý thức cá nhân đầy khẳng khái của bản thân mình. Đến hai câu này, ý thức cá nhân ấy càng rõ hơn. Có thể hiểu trong khoảng một trăm năm này, không thể thiếu được ta. Ta phải trở thành nhân vật lịch sử, ta có sứ mệnh xoay chuyển càn khôn để thay đổi cả bộ mặt lịch sử của thế kỉ này. Ta bỗng vút lên giữa cái vô cùng vô tận của không gian và thời gian như thế, bảo sao lại không tráng lệ, lồng lẫy. Chữ tớ dịch khá thú vị, vừa có chút dí dỏm vừa vẫn khẳng định cái tôi đầy mạnh mẽ. Ý thức cá nhân được vươn cao, vươn rộng theo không gian và còn vươn dài theo cả thời gian nâng tầm nhận thức cao cả về sứ mệnh của con người trước lịch sử. Cái tôi như thế thật là vừa lãng mạn vừa kiêu hùng!

Xoay chuyển càn khôn, làm chủ lịch sử tưởng chừng như đã quá to tát, ấy vậy mà cái phải lạ của bậc anh hào còn khiến người ta bất ngờ hơn:

Non sông đã chết, sống thêm nhục

Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài.

Trong bối cảnh của sự chuyển giao thời đại, dẫu có mới mẻ đến đâu cũng vẫn phải có sự thay đổi dần dần. Nhưng nhận thức của Phan tiên sinh lại khiến người ta thấy thật phi thường. Đúng non sông đã chết là cách nhân hóa rất chân thực cho hiện tại của nước nhà. Kẻ thù ngoại bang chiếm lấy chủ quyền thì coi như đất nước đã chết. Câu thơ uất nghẹn trước thực trạng đau thương của dân tộc. Nhưng cái mạnh mẽ của đáng nam nhi trước Tổ quốc như thế buộc phải nhận ra sống chỉ thêm nhục. Vì thế cái cần nhất, cái lý tưởng nhất của một thời hiền thánh giờ cũng chẳng còn ý nghĩa, có đọc sách cũng ngu thôi. Vậy là hai thứ quan trọng ấy mà còn tiếp tục sống, tiếp tục học thì chẳng khác nào đã để tự mình phó mặc cho số phận, để càn khôn nó tự chuyển dời, để tiếp tục sống một trăm năm đầy vô nghĩa. Có lẽ vậy mà, cuộc đời Phan Sào Nam

tuy sống trọn vẹn trong cảnh đất nước lầm than, trải qua bao lần thất bại đau đớn nhưng ông vẫn công hiến đầy hiên hách, vinh quang. Hai câu thơ đã chứng tỏ một sự chuyển mình của thời đại, nếu nói không quá lên, thật là vĩ đại. Nhận ra lẽ vinh nhục trong cảnh đất nước ấy là thường tình, nhưng dám chối bỏ, phủ định cả một nền học thức của một kẻ vốn xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình như cụ Phan, thì đó là một điều rất phi thường.

Vậy không thể sống như thế với thực tại, muốn mưu đồ việc xoay chuyển cần khôn phải tiến đến hành động. Và hành động ấy chỉ có thể là xuất dương.

Muốn vượt bể đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Hai câu kết thật đẹp! Hình ảnh miêu tả có phần ước lệ tượng trưng tạo nên một cảnh tượng biển trời, gió bão, sóng bạc thật hùng vĩ. Nó làm toát lên cái hùng tâm tráng trí của kẻ sĩ yêu nước cháy bỏng mà ở câu thơ cuối: thiên trùng bạch lãng nhất tề phi, bản dịch chưa làm toát lên được. Đúng hơn là biển mênh mông, gió bát ngát, sóng bạc muôn trùng và ý chí, khát vọng của con người cùng nhau hòa quện làm một mà nhất tề phi (cùng bay lên). Tâm thế ra đi cũng rộng lớn, tráng lệ như biển trời vậy. Có cái hào sảng, quyết tâm, mạnh mẽ, nhiệt huyết khi lên đường. Người ở lại – bạn bè bằng hữu, chắc chắn cảm nhận được khát vọng, lý tưởng trong hành động kiệt xuất của con người kiệt xuất ấy.

Bài thơ khép lại trong một niềm hân hoan, hứng khởi trào dâng mãnh liệt của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước. Sự kết hợp đầy mới mẻ giữa cách thể hiện đậm chất thơ văn trung đại với những tư tưởng nội dung đậm hơi thở của nhịp sống đương thời đã hình tượng hóa một cách lãng mạn và hào hùng của người chí sĩ yêu nước những năm đầu thế kỉ XX. Giọng thơ nhiệt huyết, lay động này đã tiếp thêm sức mạnh, đã thổi bùng khát khao cho biết bao kẻ sĩ thời ấy có mong muốn thực hiện chí lớn vì sự nghiệp dân tộc của mình.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Năm 1858 thực dân Pháp xâm lược Việt Nam chúng ta hành chính sách bóc lột sức lao động, đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong bể máu, khiến cho lòng dân vô cùng căm phẫn. Chính điều đó đã thôi thúc các nhà yêu nước nung nấu con đường giải phóng dân tộc. Tiêu biểu trong thời kì đầu là Phan Bội Châu Ông vừa là nhà cách mạng yêu nước đồng thời là một nhà văn hóa lớn. Ông để lại nhiều tác phẩm trên nhiều lĩnh vực trong đó thì ca chiếm một nội dung quan trọng. Nổi bật trong thơ của Phan Bội Châu là bài “Lưu biệt khi xuất dương”. Bài thơ đã lưu lại tình cảm, cảm xúc của tác giả lúc từ biệt trước khi sang Nhật đồng thời thể hiện tinh thần, ý chí quyết tâm cứu nước của người chiến sĩ cách mạng.

“Lưu biệt khi xuất dương” được Phan Bội Châu sáng tác khi khát vọng cứu nước đang thực hiện một cách thuận lợi, hội Duy Tân vừa mới được thành lập khi đó ông chủ trương đưa một số thanh niên Việt Nam có ý chí, tinh thần ham học hỏi sang Nhật học tập sự văn minh, khoa học của họ để về giúp nước giúp dân. Đây là một tư tưởng tiến bộ nhưng lịch sử lại không lựa chọn

do còn phạm phải những sai lầm, tuy nhiên điều đó đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho dân tộc.

Bài thơ được viết bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với bố cục rõ ràng, mạch lạc theo cấu trúc đề-thực-luận-kết thể hiện được cái “chí” của nhà thơ. Hai câu thơ đầu là quan niệm mới mẻ về chí làm trai và tư thế, tâm thế, tâm vóc của con người trong vũ trụ.

“Sinh vi nam tử yếu hi kì

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di”

Chí làm trai của đấng nam nhi phải có khát vọng, hoài bão lớn lao, phải làm được việc hiếm việc lạ ở trên đời. Tư tưởng này đã được kế thừa của các tiền nhân như Phạm Ngũ Lão trong bài thơ “Thuật hoài” có viết: “Nam nhi vị liễu công danh trái/ Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”. Chính vì cái lẽ ấy mà không chịu để cho trời đất tự chuyển dời thể hiện tâm vóc lớn lao của con người trong vũ trụ bao la như tư thế “hoành sóc” (cầm ngang ngọn giáo) hiên ngang của người nam tử. Gắn với bối cảnh của thời đại, thực tế của đất nước lúc bấy giờ chí làm trai theo Phan Bội Châu phải xoay chuyển được “càn khôn” chủ động lập lại thời thế không chịu chấp nhận nỗi nhục mất nước, không chịu làm nô lệ.

Nếu như hai câu thơ đầu là tuyên ngôn về chí làm trai với tư tưởng muốn bứt phá ra khỏi giới hạn bé mọn của bản thân, mong muốn cứu nguy cho dân tộc đồng thời khẳng định vị thế của mình trong trời đất thì hai câu thực nói về ý thức trách nhiệm của cá nhân trước thời cuộc.

“U bách niên trung tu hữu ngã

Khởi thiên tài hậu cánh vô thù”

Trong câu 3 đối với câu 4 lấy cái hữu hạn của “bách niên” để đối với cái vô hạn của “thiên tài”, lấy cái phủ định để khẳng định ý chí quyết tâm của tác giả cho thấy vai trò, sự chủ động của cá nhân trước bối cảnh lịch sử. Ở trong khoảng trăm năm (trong khoảng thời gian của đời người) cần thiết phải có ta. Ta phải làm việc lớn, gánh vác việc đời của thời đại mình thì trăm năm sau mới có thể hệ khác. Nếu không sau này “hát không ai?” đây là một câu nghi vấn, hỏi nhưng cũng là để tự mình trả lời, tự mình thể hiện mình. Điều đó cho thấy tinh thần tự nhiệm, tự mình của tác giả đồng thời cũng khẳng định sự nối tiếp thế hệ anh hùng của dân tộc “Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau/ Song hào kiệt thời nào cũng có”.

Để minh chứng cho con đường cứu nước của mình là đúng đắn ở hai câu luận tác giả nêu lên tình cảnh của đất nước và chỉ ra những điều xưa cũ không còn phù hợp với thời đại mới.

“Giang sơn tử hĩ sinh đồ huế

Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si”

“Non sông đã chết” dân tộc đã bị xâm lăng, đất nước đã mất chủ quyền sống cũng chỉ thêm nhục nhã. Câu này tác giả nói đến lẽ sống và cái chết để khẳng định lí tưởng sống có nghĩa là phải lật lại “càn khôn”, lấy lại hồn nước, làm cho dân tộc được độc lập tự do. “Hiền thánh” ở đây chỉ Nho học. Nó đã không còn nữa, phải gác nó lại theo học cái học thực tế để canh tân đất nước.

Có người nói Phan Bội Châu phủ nhận vai trò của Nho giáo, điều này là không đúng bởi ông cũng xuất thân nơi “Cửa Khổng sân Trình” nhưng bối cảnh thời đại bây giờ Nho giáo trở nên lạc hậu, lỗi thời cần thay đổi. Chữ “hoài” trong bản dịch thơ chưa thể hiện được bản chất “si” (U mê, mê muội một điều gì đó mất lí trí) trong nguyên tác. Hai câu thơ là lời nhắn nhủ của tác giả đến thế hệ trẻ phải đổi mới quan niệm, tư tưởng không nên theo lối mòn, sáo rỗng không có ích cho sự nghiệp cứu nước.

Hai câu kết thể hiện khát vọng hành động cứu nước, khắc họa tư thế hiên ngang, hào hùng của con người ở buổi lên đường:

“Nguyện trực trường phong Đông hải khứ

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi”

Ở câu thơ thứ nhất mang hai nét nghĩa trừu tượng và cụ thể. Với nét nghĩa trừu tượng thể hiện mong muốn vượt lên chính mình, vượt qua giới hạn bản thân làm nên việc lạ ở trong khoảng trăm năm. Với nét nghĩa cụ thể để chỉ phong trào Đông Du, chỉ những người thanh niên yêu nước mong muốn học tập cái mới để giúp nước. Tuy nhiên bản dịch thơ trong sách giáo khoa từ “Cánh gió” chưa lột tả được thần sắc của “trường phong” là cơn gió lớn, cơn gió dài nó là sự quyết tâm, quyết liệt ra đi cứu nước của tác giả. Câu cuối “nhất tề phi” là cùng bay lên ở đây là chỉ con sóng hay chỉ khát vọng của tác giả hay chỉ cả hai khát vọng của ta cùng với hàng ngàn con sóng cùng bay lên giữa biển khơi rộng lớn. Theo em cách hiểu thứ ba là hợp lí vì tác giả “xuất dương” mang trong mình hoài bão lớn lao. Hai câu kết với hai hình ảnh kì vĩ “trường phong” và “thiên trùng bạch lãng” làm cho chí khí, tư thế của người chiến sĩ vượt lên thực tại đen tối với đôi cánh của lí tưởng cách mạng vươn ngang tầm vũ trụ được thể hiện qua vị ngữ “nguyện trực”, “nhất tề phi” khiến ta liên tưởng đến hai câu thơ trong “Hành lộ nan” (Đi đường khó) của Lí Bạch: “Trường phong phá lãng hội hữu thì/ Trực quả vân phàm tế thượng hải” (Cưỡi gió vượt sóng ắt có lúc/ Dòng thẳng buồm mây vút bể xanh).

“Lưu biệt khi xuất dương” thể hiện được lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sục sôi với tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong buổi đầu cứu nước. Về nghệ thuật bài thơ được làm theo luật bằng, đúng niêm, đúng luật của thể thơ đã được quy ước, tuy nhiên có nét cách tân đổi mới điều đó được thể hiện ở đại từ “Ngã” (ta). Ở trong thơ trung đại cái tôi cá nhân bị lu mờ, ít thấy tác giả xuất hiện trực tiếp do người trung đại không coi mình là trung tâm mà chỉ là một bộ phận trong chỉnh thể lớn. Nhưng ở đây tác giả đã tự tin thể hiện bản lĩnh, chí hướng, khát vọng, quyết tâm của con người trong thời đại mới. Sử dụng ngôn ngữ phóng đại với hình ảnh kì vĩ, lãng mạn thể hiện được cái chí của mình.

Văn thơ đã khép lại bấy lâu nay nhưng hồn thơ, thần sắc của bài thơ cùng với hình ảnh của một Phan Bội Châu quyết tâm, hăm hở, chủ động ra đi tìm đường cứu nước đã để lại tiếng vang, ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử. Phan Bội Châu không những về sự nghiệp vận động giải phóng dân tộc là một nhân vật tiêu biểu cho giai đoạn chống Pháp của nhân dân Việt Nam đầu thế kỉ XX mà còn là nhà thơ, nhà văn với những đóng góp có giá trị cho nền văn học nước nhà.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu (1867-1940), quê tại Làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, ngay từ nhỏ ông đã thể hiện là mình là một người tài hoa xuất chúng, lại sớm có lòng yêu nước và ý thức về việc giải phóng dân tộc. Phan Bội Châu cũng là một người mang quan niệm nhập thể tích cực vô cùng sâu sắc, nặng lòng với nghiệp công danh cùng món nợ của phận nam nhi.

Ông tham gia tích cực vào nhiều phong trào chống Pháp và sau nhiều lần thất bại cuối cùng ông đã nhận thức được sự sai lầm, yếu kém trong phong cách tổ chức của các phong trào yêu nước thời bấy giờ, từ đó đề ra chủ trương cứu nước theo con đường tư sản. Ông nung nấu ý định cho các thanh niên ưu tú của nước nhà sang các nước như Nhật Bản, Trung Quốc để học hỏi rồi trở về giúp đỡ đất nước, còn gọi là phong trào Đông Du, với tên gọi tổ chức là Duy Tân hội.

Sự tiên bộ trong tư tưởng cứu quốc của Phan Bội Châu dường như đã mở ra một con đường sáng cho cách mạng Việt Nam thời kỳ đầu, vào những năm cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, dẫu rằng kết quả không như mong đợi. Bên cạnh vai trò là một nhà hoạt động cách mạng xuất sắc, có nhiều đóng góp to lớn trong công cuộc giải phóng đất nước thì Phan Bội Châu còn được biết đến với tư cách là một nhà thơ, nhà văn lớn trong nửa đầu thế kỷ 20, với số lượng tác phẩm lớn, được xem là người mở đầu cho nền văn học cách mạng Việt Nam, mà sau Tố Hữu chính là người đưa nó bước tới đỉnh cao.

Lưu biệt khi xuất dương là một bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Phan Bội Châu, nó không chỉ đơn thuần là một bài thơ thể hiện lý tưởng cách mạng của chí sĩ yêu nước, mà còn đánh dấu mốc quan trọng mở đầu công cuộc tìm đường cứu nước theo chủ nghĩa tư bản của nhà thơ.

Lưu biệt khi xuất dương được viết vào năm 1905, trước khi Phan Bội Châu cùng một số thanh niên ưu tú khác lên tàu vượt biển sang Nhật Bản học tập. Tác phẩm có ý nghĩa động viên, cổ vũ tinh thần cho người ra đi, đồng thời cũng có tác dụng củng cố tinh thần, niềm tin, hướng người ở lại về một tương lai tốt đẹp hơn, sáng lạn hơn của đất nước. Thể hiện được rõ chí khí làm trai của một nhà nho, với tinh thần yêu nước sâu sắc, quyết tâm trả món nợ công danh cho đời khi Tổ quốc lâm nguy, lịch sử có nhiều biến động.

Trong hai câu thơ đầu tác giả đã thể hiện rất rõ quan điểm của mình về chí làm nam nhi trong thời đại mới, một thời đại đầy biến động, buộc con người ta phải có những biến đổi về ý chí để tạo lập một con đường riêng cho bản thân và cho dân tộc, đất nước mà vẫn giữ được khí tiết của một nhà nho chân chính, trong vai trò một nhà cách mạng sôi nổi.

“Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời”

Phan Bội Châu quan niệm rằng thân nam nhi “vai năm tấc rộng, thân mười tấc cao” sống ở trên đời phải tạo ra được chữ “lạ” cho riêng mình, tức là không cam chịu cuộc sống bình thường mờ nhạt, quanh quẩn bên chốn “ao tù nước đọng”, mà phải tự làm cho mình có điểm nhấn, nổi bật thông qua những lý tưởng cao đẹp, những ước mơ và kỳ vọng lớn, tráng chí ở bốn phương.

Người nam nhi phải dám tự thách thức bản thân mình vượt ra khỏi cái vòng an toàn, vượt qua được chướng ngại chi ly, được mất, vượt ra khỏi mọi giới hạn khuôn phép một cách mạnh mẽ và

dũng cảm, để đạt được những thành công lớn, làm nên sự nghiệp hiển hách, phi thường, khác lạ mà hiếm kẻ làm được. Đề “thà một phút huy hoàng rồi vụt tắt/Còn hơn le lói suốt trăm năm”, để cuộc đời nam nhi sống sao cho xứng với hai chữ “nam nhi”, có cống hiến cho cuộc đời, trả cho kỳ được món nợ công danh, chớ để hoài phí một cuộc đời mờ nhạt vô nghĩa.

Cái quan niệm về chí làm trai trong thời đại mới của Phan Bội Châu tiếp tục được làm rõ thông qua câu “Há để càn khôn tự chuyển dời”. Thể hiện ý chí mạnh mẽ, thái độ hiên ngang, ý muốn thách thức, ngang tầm với vũ trụ, rằng thân trai tráng càn phải nắm chắc và tự quyết định lấy vận mệnh cuộc đời một cách quyết liệt và mạnh mẽ. Chứ không phải là ý muốn cuộc sống an nhàn, chấp nhận sự sắp đặt của tạo hóa, bộc lộ khẩu khí mạnh mẽ, ngang tàn của bậc đại trượng phu, mang khí thế tự tin, táo bạo và hiên ngang vô cùng.

Ý thơ của Phan Bội Châu không chỉ nằm ở việc thể hiện tráng chí của bản thân mà bên cạnh đó còn mang ý nghĩa khích lệ các thanh niên trong thời đại mới, biết đứng lên tự lực, tự cường, theo đuổi lý tưởng cao đẹp, phụng sự cho Tổ quốc, nâng tầm vóc của bản thân mình ngang tầm vũ trụ, tạo hóa, rũ bỏ cuộc đời tầm thường, quanh quẩn ao vườn, ruộng cá, để kiến thân lập nghiệp.

Trong hai câu thơ tiếp “Trong khoảng trăm năm cần có tớ/Sau này muôn thuở há không ai” chính là nhận thức của tác giả về trách nhiệm của người làm trai với đất nước, dân tộc, là món nợ công danh cần phải đáp đền. Đặc biệt là trong thời buổi lịch sử dân tộc có nhiều biến đổi, giặc dữ lăm le xâm phạm chủ quyền thì thanh niên lại càng phải biết đứng ra phụng sự cho Tổ quốc.

Tác giả đã vẽ ra khoảng thời gian “trăm năm”, trước là ngụ ý chỉ về một kiếp người như quan niệm của ông cha ta từ bao đời nay, một đời tức chỉ trăm năm. Thứ hai nữa khoảng thời gian trăm năm còn là đề gợi nhắc về một thế kỷ biến động của dân tộc, thế sự đã biết bao lần đổi thay, sự suy tàn của chế độ phong kiến, sự xâm lược của đế quốc phương Tây khiến nhân dân biết bao phen lâm than. “Trong khoảng trăm năm cần có tớ” là ngụ ý của tác giả về tầm quan trọng của bản thân trong công cuộc phục hưng, bảo vệ đất nước.

Mà người làm trai, sức dài vai rộng trong giữa sự sắp đặt của tạo hóa, đã ban cho ta một khoảng thời gian đầy biến động, thì bản thân người chí sĩ phải làm sao cho xứng với sự kỳ vọng của tạo hóa, cũng như xứng đáng với cái danh nam nhi của mình. Nếu như câu trước là khẳng định tầm quan trọng của đáng nam nhi trước thời cuộc, là sự nhận thức về lý tưởng cũng như vai trò của bản thân với đất nước thì câu thơ “Sau này muôn thuở há không ai?” lại là một câu hỏi ngỏ, thể hiện sự kỳ vọng, cũng như sự khích lệ của tác giả đối với tầng tầng lớp lớp các thế hệ thanh niên và mai sau nữa.

Phan Bội Châu đã dùng chính tráng chí, lý tưởng cao đẹp của mình làm tấm gương sáng, cũng như đặt những bước chân đầu tiên cho con đường cách mạng tiên tiến của dân tộc, của thanh niên Việt Nam. Thức tỉnh trong họ những nhận thức về tinh thần cách mạng, lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm của người thanh niên, và sự tự tin sẵn sàng đối mặt với sóng gió của bậc đại trượng phu.

Đến hai câu thơ luận, Phan Bội Châu lại cho chúng ta thấy tầm nhận thức tiên tiến của một nhà nho yêu nước, một nhà cách mạng kiêu mới trước tình hình dân tộc, trước sự suy thoái của chế độ phong kiến và nền nho học đang dần mất đi vị thế vốn có của mình.

“Non sông đã mất sống thêm nhục

Hiền thánh còn đâu học cũng hoài”

“Non sông đã chết” đó là cái chết của chủ quyền dân tộc, chủ quyền lãnh thổ và sự suy tàn của chế độ phong kiến, đất nước lâm than thế nhưng bọn đầu sỏ cầm quyền, những con người đứng đầu một đất nước lại sợ sệt, chỉ dám luôn cúi, nịnh bợ đám giặc Tây để níu kéo những ngày tháng gấm vóc lụa, là hữu danh vô thực, còn mặc kệ số phận dân tộc và đất nước. Một đất nước nhưng không có chủ quyền, không có tự do, triều đình phong kiến chỉ là một mớ bù nhìn, thói nát tận xương thì còn cách bên bờ diệt vong là mấy bước chân nữa đâu.

Thế nên tác giả nói “non sông đã chết” cũng chẳng có gì là không đúng, đặc biệt một người với tráng chí, với tinh thần yêu nước mạnh mẽ như Phan Bội Châu thì đứng trước viễn cảnh ấy thì quả thật là nhục nhã khôn cùng. Đến câu thơ sau “Hiền thánh còn đâu học cũng hoài”, người ta lại càng khâm phục cái nhân cách và nhận thức của Phan Bội Châu.

Bởi vốn dĩ Phan Bội Châu là một nhà nho chịu ảnh hưởng rất mạnh mẽ từ nền giáo dục phong kiến từ thuở thiếu thời, thế nhưng ông không như một số những nhà nho cố chấp ôm khư khư giấc mộng hão huyền về việc phục hưng những thứ vốn đã cũ kỹ, lạc hậu mà trái lại ông lại chính là một trong những người đầu tiên nhìn thẳng vào vấn đề, bóc trần sự tụt hậu của nho học, vạch rõ nguyên nhân khiến đất nước lâm vào tình trạng yếu hèn.

Không phủ nhận rằng Nho học quả thực là một kho tàng rộng lớn, mang đến cho con người sự giáo dục tốt đẹp, thế nhưng nhìn vào bối cảnh hiện tại nó chỉ đem đến những sự ảo vọng không có thực, không có ích trong việc diệt giặc thù, giành lại chủ quyền dân tộc. Việc phủ nhận nền Nho học vốn đã gắn bó với mình bao nhiêu lâu ấy quả thực là nỗi đau xót vô cùng lớn của tác giả, nhưng với nhân cách cũng như lý tưởng cao đẹp và lòng quyết tâm của một chí sĩ yêu nước, thì không nỗi đau nào vượt qua được nỗi đau mất nước.

Mà với tư cách người làm trai, ông lại càng phải thể hiện vai trò phục hưng Tổ quốc bằng con đường tiên tiến chứ không phải là ôm mãi giấc mộng huy hoàng đã qua. Từ đó ta thấy được tâm hồn phóng khoáng, mạnh mẽ và tự do của một chí sĩ yêu nước chân chính, sẵn sàng hy sinh tất cả, nén nhịn nỗi đau cá nhân vì lợi ích của dân tộc, của đất nước, để hoàn trả món nợ công danh.

Cuối cùng ở hai câu thơ kết “Muốn vượt bể Đông theo cánh gió/Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi” chính là hình ảnh người chí sĩ yêu nước lên đường vượt biển xa quê hương để tìm tới chân trời mới, học hỏi những kiến thức mới để quay về phụng sự cho Tổ quốc, dân tộc với phong thái hiên ngang và tự tin vô cùng.

Những hình ảnh “bể Đông”, “muôn trùng sóng bạc” đã gợi ra một bối cảnh không gian rộng lớn, khoáng đạt, thể hiện tâm hồn yêu đời, cùng những khát vọng, lý tưởng cao lớn muốn vươn ra biển lớn của người chí sĩ. Tâm vóc con người trở nên kì vĩ, lớn lao nổi bật hẳn trên cái nền của thiên nhiên bởi sự kiêu hãnh, tráng chí hùng mạnh bên trong tâm hồn nhân vật trữ tình.

Lưu biệt khí xuất dương là một bài thơ hay, có nội dung và ý nghĩa lớn, không chỉ bộc lộ những khát vọng, lý tưởng cao đẹp của một nhà hoạt động cách mạng thời đại mới, mà còn là lời động viên khích lệ, khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, cũng như thức tỉnh sự tự tin,

lý tưởng và khát vọng cao đẹp của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh đất nước có nhiều biến động.

Có thể nói rằng Lưu biệt khi xuất dương là một trong những bài thơ mang khuynh hướng trữ tình cách mạng đầu tiên, khơi nguồn cho nền văn học cách mạng của dân tộc đạt đến đỉnh cao về sau này.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

“Thi dĩ ngôn chí” - thơ để nói chí, tỏ lòng. Cho nên tầm vóc của loại thơ này rất cuộc, phụ thuộc vào tầm vóc của chí. Mà chí khí không phải là những bột phát nhất thời, càng không thể là những chí hướng vay mượn. Chí cần phải được đảm bảo bằng nghiệp.

Có thể có những sự nghiệp không thành, nhưng sự dang dở ấy cũng chứng tỏ về một chí lớn đã dẫn thân, không phải thứ chí suông. Chính nó là sự đảm bảo cho thơ. Vì thế, thơ sẽ chỉ còn là những lời lẽ khoa trương sáo rỗng, là sự cường điệu đao to búa lớn rề tiền, nếu như không có một chí lớn, hơn thế nếu như chí lớn ấy không gắn với một cốt cách lớn, một cuộc đời lớn.

Tiếng thơ bộc lộ trực tiếp các chí lớn xưa nay thường gắn với những bậc hào kiệt, những đấng trượng phu. Thơ của họ là lời tuyên ngôn của cuộc đời họ. Trước khi họ tạc con người mình vào trong thơ, thì họ đã tạc con người mình vào sông núi. Người đời thường ví họ như chim hồng, chim hộc và đối lập với những chim sẻ, chim ri. Và trong thơ của mình, họ hiện ra đúng như những cánh đại bàng vẫy vùng trong mênh mông trời biển.

Tư thế của họ là tư thế kì vĩ, tư thế vũ trụ, chẳng “Hoành sóc giang san cáp kỉ thu” (Cáp ngang ngọn giáo bảo vệ giang sơn đã mấy. thu - Phạm Ngũ Lão), thì cũng “Ki độ long tuyền đới nguyệt ma” (Bao phen mang gươm báu mài dưới trăng - Đặng Dung), chẳng “Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư” (Kêu to một tiếng làm lạnh cả hư không - Không Lộ thiền sư) thì cũng “Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán, Phá vòng vây bạn với Kim ô” (Nguyễn Hữu cầu)... như thế đã chứa đựng trong đó hào khí của cả giống nòi.

Nằm trong mạch ngôn chí trực tiếp ấy, Xuất dương lưu biệt của Phan Bội Châu là hùng tâm tráng chí của một trong những người con ưu tú nhất của nòi giống Việt Nam. Thực ra cái quan niệm làm trai ở trong bài thơ này không phủ của riêng Phan Bội Châu. Nó là quan niệm chung về chí làm trai của nhà Nho thuở trước. Và ít nhất ta cũng thấy nó từng vang lên rất mãnh liệt trong thơ văn Nguyễn Công Trứ.

Song, điều đáng nói chính là ở chỗ, không phải Phan Bội Châu đang ném ra cuộc đời một quan niệm lí thuyết như một người có ý đồ lập thuyết, mà ông là người đã sống cái quan niệm ấy một cách đủ đầy trước khi viết thành thơ. Có lẽ vì thế mà Xuất dương lưu biệt không chỉ chứa đựng một lẽ sống mà trước hết là chứa đựng chân dung một con người - một con người lỗi lạc, kiệt xuất. Hai câu đề:

Làm trai phải lạ ở trên đời,

Hà để càn khôn tự chuyển đời.

Tôi không nghĩ chữ “lạ” trong bản dịch này đã thể hiện được hết cái tinh thần của chữ “kì”. Bởi chữ “kì” muốn nói đến cái điều: làm trai phải làm được những điều kì lạ, kiệt xuất, phi thường. Một mình chữ “lạ” không tải hết ý của Phan tiên sinh. Tôi cũng không nghĩ rằng người dịch dùng ba chữ “ở trên đời” là đã diễn được thực ý của nguyên tác.

“Đời” là một không gian tưởng là rộng nhưng hóa ra lại hẹp, bởi nó có xu hướng co vào cái phạm vi của thế giới người thôi. Trong nguyên văn, Phan Bội Châu không dùng những chữ ấy. Chỉ đến câu thứ hai ta mới thấy yêu tố không gian xuất hiện. Và lập tức bậc tu mi nam tử theo quan niệm của Phan Sào Nam đã hiện ra trong tương quan kì vĩ nhất: không gian vũ trụ.

Đấng nam nhi sinh ra ở trong vũ trụ này là đối mặt với càn khôn (trời đất), nghĩa là với tất cả những gì lớn lao nhất trong vũ trụ này, chứ không riêng gì thế giới người. Vậy là ngay từ hai câu đề, hình ảnh khái quát về một bậc hào kiệt đã hiện lên đầy ấn tượng: Đó không phải là kẻ sống thụ động phó mặc đường đời mình cho trời đất, và cũng không phó mặc cõi đời này cho sự xoay vần của trời đất.

Đấng nam tử phải là người chủ động đổi thay cả càn khôn. Cái chí dọc ngang trời đất, chọc trời khuấy nước, cải tạo vũ trụ đó mới là điều xứng với một đời làm nam nhi. Quan niệm con người của Phan Bội Châu ở đây là quan niệm con người vũ trụ rất quen thuộc của văn chương Nho giáo trung đại. Nếu hai câu đề gợi ra hình ảnh nam tử trong không gian kì vĩ, thì hai câu thực đã phát triển hình ảnh ấy trong một chiều kích khác: thời gian. Thời gian ở đây cũng là thời gian thuộc tầm cỡ vĩ mô:

Trong khoảng trăm năm càn có tở,

Sau này muôn thuở há không ai?

Ở câu đề tuy khẩu khí cá nhân đã rõ, nhưng quan niệm vẫn là quan niệm chung. Đến đây thì con người cá nhân Phan Bội Châu đã xuất hiện ngay trên bề mặt câu chữ. Ông đã ý thức về vai trò lịch sử của mình thật kiêu hùng đầy tự tôn, tự tin. Mình phải trở thành một nhân vật không thể thiếu trong cái khoảng thời gian một trăm năm nay. Nói một cách khác, ông tự lãnh nhận sứ mạng của mình: một con người cần thiết của thế kỉ.

Đối diện với càn khôn, đối diện với cả thế kỉ, tầm vóc của bậc nam tử này thật là tầm vóc vũ trụ. Không phải ông muốn chiếm lấy một chỗ đứng trong thời gian như một kẻ vĩ cuồng háo danh. Mà chính là làm nên cái việc trọng đại, kiệt xuất là xoay chuyển càn khôn để làm đổi thay bộ mặt của thế kỉ. Chữ “tở” là cách dịch thoát của chữ “ngã” (tôi).

Dù dịch là tôi, là ta, là “tở” thì ngã vẫn cứ là cái ý thức mãnh liệt về cá nhân mình trên cõi thế gian này. Hình ảnh tác giả hiện ra trong mệnh mông thời gian, lồng lộng không gian như thế là một vẻ đẹp cá nhân thật nguy nga tráng lệ. Phải thấy rằng, ít có ai đã tự họa mình trong một không gian và thời gian hoành tráng như vậy! Dầu sao trong bốn câu đầu này mới nói đến điều phải “lạ”, mà chưa nói rõ “việc lạ” cần làm là gì! Bốn câu tiếp theo sẽ dần dần làm sáng lên điều đó. Hai câu luận là một sự nhìn nhận phi thường:

Non sông đã chết sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu học cũng hoài

Câu trên khẳng định: Non sông đã chết! Khi chủ quyền đã về tay kẻ ngoại bang, thì non sông đã chết. Sống mà không có quyền làm chủ là sống nhục. Bốn chữ “Giang sơn tử hĩ” chất đầy đau đớn và phẫn uất. Câu dưới tiếp tục Hiền thánh đã vắng bóng thì có đọc sách cũng ngu thôi! Tất cả là những lời phủ định dứt khoát, quyết liệt rằng: Còn theo đòi sách vở, còn sống ở trong nước thời buổi này là điều nhục nhã đối với một trang nam nhi.

Bởi đó là đã nhắm mắt quay lưng cho “càn khôn tự chuyển đi”, là phó mặc mình cho đời xoay vần. Tất cả những gì thiêng liêng xứng đáng với một bậc nam tử coi như đã chết. Vì thế mà càn phải có hành động xứng đáng. Hành động xứng đáng, hành động kiệt xuất phi thường ấy bây giờ chính là: Xuất dương. Những câu trên ta thấy cái tôi (ngã) hiện ra trước “càn khôn”, trước “Bách niên trung”, “Thiên tải hậu” những chiêu kích vĩ của không gian và thời gian, ở đây, nó tiếp tục được tô đậm bằng: “Giang sơn” và “Thánh hiền”.

Con người ấy đối mặt với giang sơn đất nước, đối mặt với toàn bộ nền học vấn. Cho nên, càng về sau chân dung của con người ấy, cái tôi ấy càng sắc nét với tất cả những gì lớn lao nhất. Cái không gian duy nhất có thể chứa đựng được con người ấy là vũ trụ. Đến hai câu kết thì những nét bút kì vĩ cuối cùng đã hoàn thiện hành động kiệt xuất của một cuộc đời kiệt xuất:

Muốn vượt biển Đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Sáu câu trên gợi ra những nghĩ suy, những lựa chọn, những chuẩn bị trong tâm lí, trong tư tưởng của một con đại bàng. Ở hai câu này, chúng ta thấy con đại bàng ấy đang tung đôi cánh mệnh mông của mình bay thẳng ra trùng dương, đối mặt với hết thảy những giông tố bão bùng. Câu thơ gợi ta nhớ đến tư thế của con chim lớn trong thư Quận He: “Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán, Phá vòng vây bạn với Kim ô”.

Nhưng câu thơ của Phan Bội Châu không còn là một hình ảnh ước lệ nữa. Bởi phong trào Đông du mà ông là người chủ trương, bởi việc xuất dương mà ông là người khởi sự chính là những hành động phi thường của những bậc trượng phu sẵn sàng ném đời mình vào muôn trùng sóng bạc ra khơi tìm đường làm sống lại “giang sơn đã chết”, tìm cách xoay chuyển càn khôn. Bài thơ kết bằng câu thơ đầy hùng tâm tráng chí mà câu thơ dịch chưa thể truyền tải hết được: Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Như vậy, làm trang nam nhi không phải là bằng mọi cách để lưu danh sử sách, khẳng định cá nhân. Mà cá nhân ấy phải làm nên việc phi thường, ấy là việc kinh bang, tế thế, cứu dân cứu nước. Khát vọng sống cao cả của Phan Bội Châu ở đây, một lần nữa, giúp ta hiểu được cái cốt cách vĩ đại của con người kiệt xuất này.

Bài văn mẫu số 5: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu (1867 – 1940) tên thật là Phan Văn San, hiệu là Sào Nam, người làng Đan Nhiệm, nay là xã Nam Hoà, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, tận mắt chứng kiến sự thất bại của phong trào Cần Vương chống Pháp. Chế độ phong kiến suy tàn kéo theo sự sụp đổ của cả một hệ thống tư tưởng phong kiến già cỗi, lỗi thời.

Tình hình đó đặt ra cho các chí sĩ yêu nước một câu hỏi lớn: Phải cứu nước bằng con đường nào? Trong không khí u ám bao trùm khắp đất nước thời đó, những tia sáng hi vọng hé rạng qua nguồn sách Tân thư truyền bá tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản của phương Tây với nội dung khác hẳn với các sách thánh hiền thuở trước. Người ta có thể tìm thấy ở đó những gợi ý hấp dẫn về một con đường cứu nước mới, những viễn cảnh đầy hứa hẹn cho tương lai. Vì thế, các nhà Nho tiên tiến của thời đại như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã tiên phong dẫn bước, bất chấp nguy hiểm, gian lao.

Phan Bội Châu là một trong những chí sĩ yêu nước đầu tiên mở ra con đường cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Mặc dù sự nghiệp không thành, nhưng ông mãi mãi là tấm gương sáng chói về lòng yêu nước thiết tha và ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất.

Sinh thời, Phan Bội Châu không coi văn chương là mục đích của cuộc đời mình nhưng trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã chủ động nắm lấy thứ vũ khí tinh thần sắc bén ấy để tuyên truyền, cổ động, khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào ta. Năng khiếu văn chương, bầu nhiệt huyết sôi sục cùng sự từng trải trong bước đường cách mạng là cơ sở để Phan Bội Châu trở thành một nhà văn, nhà thơ lớn với những tác phẩm xuất sắc như: Việt Nam vong quốc sử (1905), Hải ngoại huyết thư (1906), Ngục trung thư (1914), Trùng Quang tâm sử (1913 -1917), Phan Bội Châu niên biểu (1929)...

Năm 1904, ông cùng các đồng chí của mình lập ra Duy Tân hội. Năm 1905, hội chủ trương phong trào Đông Du, đưa thanh niên ưu tú sang Nhật Bản học tập để chuẩn bị lực lượng nòng cốt cho cách mạng và tranh thủ sự giúp đỡ của các thế lực bên ngoài. Trước lúc lên đường, Phan Bội Châu làm bài thơ Xuất dương lưu biệt để từ giã bạn bè, đồng chí. Phiên âm chữ Hán:

Sinh vi nam tử yếu hi kì,

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di.

U bách niên trung tu hữu ngã,

Khởi thiên tải hậu cảnh vô thù.

Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,

Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si!

Nguyện trực trường phong Đông hải khứ,

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Dịch thơ:

*Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển đời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài!
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

Bằng giọng thơ tâm huyết có sức lay động mạnh mẽ, Lưu biệt khi xuất dương đã khắc họa vẻ đẹp lãng mạn hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu, với tư tưởng mới mẻ, táo bạo, bầu nhiệt huyết sôi trào và khát vọng cháy bỏng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước. Bài thơ mở đầu bằng việc khẳng định chí làm trai:

*Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển đời.*

Câu thơ chữ Hán: Sinh vi nam tử yếu hi kì. Hai từ hi kì có nghĩa là hiếm, lạ, khác thường cần được hiểu như những từ nói về tính chất lớn lao, trọng đại, kì vĩ của công việc mà kẻ làm trai phải gánh vác. Đây cũng là lí tưởng nhân sinh của các nhà Nho thời phong kiến.

Trước Phan Bội Châu, nhiều người đã đề cập đến chí làm trai trong thơ ca. Phạm Ngũ Lão đời Trần từng băn khoăn: Công danh nam tử còn vương nợ,/ Luông thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu (Tò lòng). Trong bài Đi thi tự vịnh, Nguyễn Công Trứ khẳng định: Đã mang tiếng ở trong trời đất,/ Phải có danh gì với núi sông... và nhấn mạnh: Chí làm trai nam, bắc, tây, đông/ Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể (Chí khí anh hùng).

Chí làm trai của Phan Bội Châu thuyết phục thể hệ trẻ thời bấy giờ ở sự táo bạo, quyết liệt và cảm hứng lãng mạn nhiệt thành bay bổng. Với ông, làm trai là phải làm được những điều lạ, tức những việc hiển hách phi thường. Câu thơ thứ nhất khẳng định điều đó. Câu thơ thứ hai mang ngữ điệu cảm thán bổ sung cho ý của câu thứ nhất: Kẻ làm trai phải can dự vào việc xoay chuyển càn khôn, biến đổi thời thế chứ không phải chỉ giương mắt ngồi nhìn thời cuộc đổi thay, an phận thủ thường, chấp nhận mình là kẻ đứng ngoài.

Thực ra, đây là sự tiếp nối khát vọng của nhân vật trữ tình trong bài Chơi xuân: Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi,/ Sinh thời thế phải xoay nên thời thế. Chân dung nhân vật trữ tình trong bài Lưu biệt khi xuất dương hiện lên khá rõ qua hai câu đề. Đó là một con người mang tâm vóc vũ trụ, tự ý thức rằng mình phải có trách nhiệm gánh vác những trọng trách lớn lao.

Con người ấy dám đối mặt với cả càn khôn, vũ trụ để tự khẳng định mình. Chỉ làm trai của Phan Bội Châu đã vượt hẳn lên trên cái mộng công danh xưa nay thường gắn liền với tam cương, ngũ thường của Nho giáo để vươn tới lí tưởng xã hội rộng lớn và cao cả hơn nhiều.

Cảm hứng và ý tưởng đó phần nào xuất phát từ lí tưởng trí quân, trạch dân của các nhà Nho thuở trước nhưng tiến bộ hơn vì mang tính chất cách mạng. Theo quy luật, con tạo xoay vần vốn là lẽ thường tình, nhưng Phan Bội Châu ôm ấp khát vọng chủ động xoay chuyển càn khôn, chứ không để cho nó tự chuyển vần.

Cũng có nghĩa là ông không chịu khuất phục trước số phận, trước hoàn cảnh. Lí tưởng tiến bộ ấy đã tạo cho nhân vật trữ tình trong bài thơ một tâm vóc lớn lao, một tư thế hiên ngang, ngạo nghễ thách thức với càn khôn. Hai câu thực thể hiện ý thức về trách nhiệm cá nhân của nhà thơ, cũng là nhà cách mạng tiên phong trước cuộc đời:

Trong khoảng trăm năm cần có tớ,

Sau này muôn thuở, há không ai?

Câu thứ ba không chỉ đơn giản xác nhận sự có mặt của nhân vật trữ tình ở trên đời mà còn hàm chứa một tâm niệm: Sự hiện diện của ta không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, vô ích; vì vậy, ta phải làm một việc gì đó lớn lao, hữu ích cho đời. Câu thứ tư có nghĩa là ngàn năm sau, lẽ nào, chẳng có người nối tiếp công việc của người đi trước. “Cái tôi công dân” của tác giả đã được đặt ra giữa giới hạn trăm năm của đời người và ngàn năm của lịch sử.

Sự khẳng định cần có tớ không phải với mục đích hưởng lạc mà là để cống hiến cho đáng mặt nam nhi và lưu danh hậu thế. Câu hỏi tu từ cũng là một cách khẳng định mãnh liệt hơn khát khao cống hiến và nhận thức đúng đắn của tác giả: Lịch sử là một dòng chảy liên tục, cần có sự góp mặt và gánh vác của nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Trong bốn câu thơ đầu, những hình ảnh kì vĩ của thiên nhiên như càn khôn, trăm năm, muôn thuở đã thể hiện cảm hứng lãng mạn bay bổng, chính là cội nguồn sức mạnh niềm tin của nhân vật trữ tình.

Ở những năm đầu thế kỉ XX, sau thất bại liên tiếp của các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp, một nỗi bi quan, thất vọng đè nặng lên tâm hồn những người Việt Nam yêu nước. Tâm lí an phận thủ thường lan rộng. Trước tình hình đó, bài thơ Lưu biệt khi xuất dương có ý nghĩa như một hồi chuông thức tỉnh lòng yêu nước, động viên mọi người đứng lên chống giặc ngoại xâm. Trong hai câu luận, Phan Bội Châu đặt chí làm trai vào hoàn cảnh thực tế của lịch sử đương thời:

Non sông đã chết, sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu học cũng hoài.

Lẽ nhục – vinh mà tác giả đặt ra gắn liền với sự tồn vong của đất nước và dân tộc: Non sông đã chết, sống thêm nhục. Ý nghĩa của nó đồng nhất với quan điểm: Chết vinh còn hơn sống nhục trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu cuối thế kỉ XIX.

Câu thơ thứ 5 bày tỏ một thái độ dứt khoát, được thể hiện bằng ngôn ngữ đậm khẩu khí anh hùng, bằng sự đối lập giữa sống và chết. Đó là khí tiết cương cường, bất khuất của những con người không cam chịu cuộc đời nô lệ tủi nhục. Ý thơ mới mẻ mang tính chất cách mạng. Ở câu

thứ 6, Phan Bội Châu đã thẳng thắn bày tỏ ý kiến trước một thực tế chua xót là ảnh hưởng của nền giáo dục Nho giáo đối với tình cảnh nước nhà lúc bấy giờ.

Sách vở thánh hiền chẳng giúp ích được gì trong buổi nước mất nhà tan. Cho nên nếu cứ khư khư theo đuổi thì chỉ hoài công vô ích mà thôi. Tất nhiên, Phan Bội Châu chưa hoàn toàn phủ nhận cả nền học vấn Nho giáo, nhưng đưa ra một nhận định như thế thì quả là táo bạo đối với một người từng là đệ tử của chôn cửa Khổng sân Trình.

Dũng khí và nhận thức sáng suốt đó trước hết bắt nguồn từ lòng yêu nước thiết tha và khát vọng cháy bỏng muốn tìm ra con đường đi mới để đưa nước nhà thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than. Phan Bội Châu cho rằng nhiệm vụ thiết thực trước mắt là cứu nước cứu dân, là Duy tân, tức là học hỏi những tư tưởng cách mạng mới mẻ và tiến bộ. Bài thơ không đơn thuần là chỉ để bày tỏ ý chí mà thực sự là một cuộc lên đường của nhân vật trữ tình:

Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Các hình ảnh kì vĩ trong hai câu kết mang tâm vũ trụ: bể Đông, cánh gió, muôn trùng sóng bạc. Tất cả như hòa nhập làm một với con người trong tư thế bay lên. Trong nguyên tác, hai câu 7 và 8 liên kết với nhau để hoàn chỉnh một tứ thơ đẹp: Con người đuổi theo ngọn gió lớn qua biển Đông, cả vũ trụ bao la Muôn lớp sóng bạc cùng bay lên (Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi).

Tất cả tạo thành một bức tranh hoành tráng mà con người là trung tâm được chấp cánh bởi khát vọng lớn lao, bay bổng lên trên thực tại tối tăm khắc nghiệt, lòng lộng giữa trời biển mênh mông. Bên dưới đôi cánh đại bàng đó là muôn trùng sóng bạc dâng cao, bọt tung trắng xóa, dường như muốn tiếp sức cho con người bay thẳng tới chân trời mơ ước. Hình ảnh đậm chất sử thi này đã thắp sáng niềm tin và hi vọng cho một thế hệ mới trong thời đại mới.

Thực tế thì cuộc ra đi của Phan Bội Châu là một cuộc ra đi bí mật, tiễn đưa chỉ có vài ba đồng chí thân thiết nhất. Dù phía trước chỉ mới le lói vài tia sáng của ước mơ, nhưng người ra đi tìm đường cứu nước vẫn hăm hở và đầy tin tưởng. Sức thuyết phục, lôi cuốn của bài thơ chính là ở ngọn lửa nhiệt tình đang bùng cháy trong lòng nhân vật trữ tình.

Bài thơ đã thể hiện hình tượng người anh hùng trong buổi lên đường xuất dương lưu biệt với tư thế kì vĩ, sóng ngang tâm vũ trụ. Người anh hùng ấy ý thức rất rõ ràng về “cái tôi công dân” và luôn khắc khoải, day dứt trước sự tồn vong của quốc gia, dân tộc.

Bài thơ Lưu biệt khi xuất dương được viết theo bút pháp ước lệ và cường điệu, rất phù hợp với mục đích cổ vũ, động viên. Giọng thơ vừa sâu lắng, da diết, vừa sôi sục, hào hùng, mang âm hưởng tráng ca. Nỗi đau đớn, niềm lạc quan, nhiệt tình hành động cùng tư tưởng cách mạng đã thổi hồn vào từng câu, từng chữ, từng hình ảnh trong bài thơ. Âm hưởng hào hùng của bài thơ có sức lay động, thức tỉnh rất lớn đối với mọi người.

Đây là bài thơ từ biệt mà cũng là lời kêu gọi, thúc giục lên đường. Tâm vóc bài thơ hoàn toàn tương xứng với tâm vóc của một con người được cả dân tộc ngưỡng mộ và tin tưởng. Trong tác phẩm Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (1925) tác giả Nguyễn Ái Quốc đã suy tôn

Phan Bội Châu là: bậc anh hùng, vị thiên sứ, dâng xả thân vì độc lập được hai mươi triệu đồng bào trong vòng nô lệ tôn sùng.

Bài văn mẫu số 6: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Những năm đầu thế kỉ XX, trong lúc đất nước Việt Nam mất đi chủ quyền, phong trào Cần Vương thất bại thì tư tưởng dân chủ tư sản đã thổi một luồng gió mới đến các thanh niên yêu nước. Họ tìm thấy những lí tưởng mới mẻ và ra đi với một niềm tin mạnh mẽ vào dân tộc. Một trong những nhà cách mạng đã có cuộc ra đi hào hùng như vậy là Phan Bội Châu. Trước khi lên đường sang Nhật Bản, ông đã viết bài thơ “Lưu biệt khi xuất dương” như một lời từ biệt. Đây là một bài thơ đặc sắc trong kho tàng văn thơ của Phan Bội Châu.

“Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời”

Hai câu đầu mở ra một quan niệm mới về chí làm trai và vị thế của con người trong xã hội. Đã làm nam nhi thì phải sống thật phi thường, hiên hách, dám mưu đồ sự nghiệp, dám xoay chuyển “càn khôn”, dám chủ động đương đầu với thử thách chứ không sống thụ động, tẻ nhạt và tầm thường.

Con người phải khẳng định được vị trí của mình trong cuộc đời chứ không đầu hàng trước số phận. Cũng giống như Nguyễn Công Trứ từng đồng dạng: “Làm trai đứng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông”. Như vậy, Phan Bội Châu đã bộc lộ một tư tưởng, một lẽ sống cao đẹp và tiến bộ. Từ đó tác giả ý thức:

“Trong khoảng trăm năm cần có tớ

Sau này muôn thuở, há không ai?”

Quan niệm mới đã hình thành nên ý thức cá nhân gắn với một “cái tôi” đầy trách nhiệm trước thời thế. Nhà thơ khẳng định về sứ mệnh cao cả, thiêng liêng của mình giữa cuộc đời, ý thức sâu sắc và trách nhiệm lớn lao của bản thân. Không phải chỉ sống một cuộc sống nhạt nhòa, bình lặng mà phải sống cống hiến, hiên ngang, hiên hách để ghi lại tên tuổi với hậu thế. Câu thơ thứ tư phủ định chính là để khẳng định dứt khoát hơn về lẽ sống của mình.

Những hình ảnh thơ to lớn, kỳ vĩ như “càn khôn”, “trăm năm”, “muôn thuở” đã góp phần làm nổi bật lên khát khao sống, cống hiến của tác giả. Không chỉ ý thức được trách nhiệm của mình, Phan Bội Châu còn bộc lộ thái độ kiên quyết của mình trước thời cuộc:

“Non sông đã chết, sống thêm nhục

Hiên thánh còn đâu, học cũng hoài”

Bằng tình yêu nước cháy bỏng và đôi mắt tinh tế của mình, Phan Bội Châu đã nhận thức rõ hơn về tình hình đất nước lúc bấy giờ. Lẽ vinh – nhục được đặt ra như một nỗi đau đáu của người nam nhi trước tình cảnh nước mất, nhà tan. Cũng như những nhà cách mạng khác, ông cũng trăn trở về con đường tương lai của dân tộc, phải làm sao để cứu được đất nước. Ông đã tỉnh táo nhận ra thực tế: đất nước mất đi chủ quyền, “hiền thánh” cũng không thể làm gì được. Ở câu này, bản dịch thơ chưa sát lắm so với nguyên tác.

Bản nguyên tác đã nói lên thái độ dứt khoát, mạnh mẽ của Phan Bội Châu: “Thánh hiền đã vắng thì có đọc sách cũng ngu thôi!”. Không phải ông hoàn toàn mất niềm tin ở học vấn Nho giáo nhưng ông đã sáng suốt nhìn nhận được những hạn chế của nó. Đó một phần là nhờ vào sự ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản được truyền vào nước ta. Đứng trước tình hình đó, Phan Bội Châu đã đẩy lên những khát vọng cuồng nhiệt, quyết liệt:

“Muốn vượt bể Đông theo cánh gió

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi”

Hai câu thơ cuối đã vẽ ra tư thế hiên ngang, hào hùng và không kém phần lãng mạn của người ra đi tìm đường cứu nước. Những hình ảnh thơ lớn lao, kì vĩ liên tục xuất hiện: “bể Đông”, “cánh gió”, “muôn trùng sóng bạc”,... đã góp phần tô đẹp tư thế và khát vọng của con người buổi lên đường. Tuy nhiên, ở bản dịch thơ vẫn chưa làm nổi bật được hết vẻ đẹp của bức tranh này.

“Tiễn ra khơi” chỉ là một cuộc đưa tiễn bình thường như bao cuộc đưa tiễn khác, “Ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên” mới thể hiện đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh hoành tráng với hình tượng trung tâm là con người, xung quanh là vũ trụ rộng lớn cùng chấp cánh cho ước mơ của con người. Trên thực tế, đây là cuộc ra đi khá lặng lẽ, bí mật, nhưng qua bài thơ, tác giả đã thể hiện một tư thế hết sức hiên ngang, tự tin vào tiền đồ của đất nước. Đó được xem là một hình ảnh đẹp trong văn học, một hình ảnh vừa giàu chất sử thi lại vừa hòa quyện với cảm hứng lãng mạn.

Bài thơ được đánh giá là một trong những thi phẩm có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Không chỉ với tư tưởng và quan niệm mới mẻ mà còn những nét nghệ thuật đặc sắc. Thi phẩm được viết với thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật phù hợp với việc “nói chí” của Phan Bội Châu. Hình ảnh thơ kỳ vĩ, lớn lao góp phần lột tả trọn vẹn những khát vọng hành động và ý thức trách nhiệm của tác giả. Giọng thơ linh hoạt, sôi nổi và mạnh mẽ.

Như vậy, cả bài thơ đã xây dựng được hình tượng người chí sĩ cách mạng với vẻ đẹp hào hùng lãng mạn. Bằng nhiệt huyết và tình yêu nước sâu nặng của mình, Phan Bội Châu đã không chỉ trở thành một nhà cách mạng mà còn trở thành một văn sĩ lớn của dân tộc, đáng được người đời sau tôn kính.

Bài văn mẫu số 7: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

“Chúng ta có thể nói rằng trong lịch sử giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu là một nhân vật vĩ đại (Tôn Quang Phiệt), Phan Bội Châu là linh hồn của các phong trào vận động giải phóng Tổ quốc khoảng 25 năm đầu thế kỉ XX.

Tên tuổi ông bắt từ với các tổ chức yêu nước như Hội Duy Tân, phong trào Đông Du, Việt Nam Quang Phục hội... Tên tuổi Phan Bội Châu gắn liền với hàng trăm bài thơ, hàng chục cuốn sách, một số bài văn tế và vài ba vờ tuồng chứa chan tinh thần yêu nước. “Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng” (Tố Hữu).

Năm 1900, Phan Bội Châu đậu giải nguyên khoa thi Hương trường Nghệ. Năm 1904 ông sáng lập ra Hội Duy Tân, một tổ chức yêu nước. Năm 1905 ông dấy lên phong trào Đông Du. Trước lúc lên đường Đông du, qua Trung Hoa, Nhật Bản để cầu nguyện viện với bao hoài bão tung hoành, ông đã để lại đồng chí bài thơ Lưu biệt khi xuất dương (Xuất dương lưu biệt.) được viết bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.

Đây là khúc tráng ca biểu lộ tư thế. quyết tâm hăm hở, và những ý nghĩa ca cả mới mẻ của chí sĩ Phan Bội Châu trong buổi đầu xuất dương cứu nước. Hai câu đề là một tuyên ngôn về chí hướng, về lẽ sống cao cả:

Sinh vi nam tử yếu hi kì

Khẳng hứa càng khôn tự chuyển di.

Tự hào mình là đấng nam nhi thì phải sống cho ra sống mong muốn làm nên điều lạ (yếu hi kì). Suy rộng ra, là không thể sống tầm thường. Không thể sống một cách thụ động để cho trời đất (càn khôn) tự chuyển dời một cách vô vị, nhạt nhẽo. Câu thơ thể hiện một tư thế, một tâm thế rất đẹp về chí nam nhi, tự tin ở đức độ và tài năng của mình, muốn làm nên sự nghiệp to lớn, xoa chuyển trời đất, như ông đã nói rõ trong một bài thơ khác:

Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,

Mở miệng cười tan cuộc oán thù.

Gắn câu thơ với sự nghiệp cách mạng vô cùng sôi nổi của Phan Bội Châu ta mới cảm nhận được cái khí anh hùng của nhà thi sĩ vĩ đại. Đấng nam nhi muốn làm nên điều lạ ở trên đời, tung nung nẫu và tâm niệm theo một vần thơ cổ:

Mỗi phạn bất vong guy trúc bạch,

Lập thân tối hạ thị văn chương.

(Tùy viễn thi thoại - Viên Mai)

(Bữa bữa những mong ghi sử sách,

Lập thân xoàng nhất ấy văn chương).

Đấng nam nhi muốn làm nên điều lạ ở trên đời ấy có một bầu máu nóng sùi sục: “Tôi được trời phú cho bầu máu nóng cũng không đến nỗi ít, lúc còn bé đọc sách của cha tôi, mỗi khi đến những chỗ nơi người xưa chịu chết để thành đạo nhân, nước mắt lại đầm đìa nhỏ xuống ướt đầm cả giấy...” (Ngục trung thư). Phần thực, ý thơ mở rộng, tác giả tự khẳng định vai trò của mình trong xã hội và trong lịch sử:

Ư bách niên trung tu hữu ngã,

Khởi thiên tải hậu cách vô thủy.

Ngã là ta, tu hữu ngã nghĩa là phải có ta trong cuộc đời một trăm năm (bách niên trung). Câu thơ khẳng định biểu lộ niềm tự hào lớn lao của kẻ sĩ trong cảnh nước mất nhà tan. Thiên tải hậu nghìn năm sau, là lịch sử của đất nước và dân tộc há lại không có ai (để lại tên tuổi) ư? Hai câu 3, 4 đối nhau, lấy cái phủ định để làm nổi bật điều khẳng định.

Đó là một ý thơ sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm mà lịch sử giao phó. Ý tưởng đẹp đẽ này là sự kế thừa những tư tưởng vĩ đại của các vĩ nhân trong lịch sử: “Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng”. (Trần Quốc Tuấn).

Nhân vinh tự cổ thủy vô tử

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

(Văn Thiên Tường)

Lấy cái hữu hạn - bách niên - của một đời người đối với cái vô hạn - thiên tải - của lịch sử dân tộc, Phan Bội Châu đã tạo nên một giọng thơ đĩnh đạc, hào hùng, biểu lộ một quyết tâm và khát vọng trong buổi lên đường. Vì thế, trên bước đường cách mạng giải phóng dân tộc, trải qua muôn vàn thử thách và hiểm nguy, ông vẫn bất khuất, lạc quan:

Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,

Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu!

Phản luận tác giả nói về sống và chết, nói về công danh. Đây là một ý tưởng rất mới khi ta soi vào lịch sử dân tộc những năm đen tối dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Khi non sông đã chết, đã bị ngoại bang xâm chiếm, giày xé thì thân phận dân ta chỉ là kiếp ngựa trâu, có sống cũng như nuốc nhục nhã. Trong hoàn cảnh ấy có nấu sừ nghiền kinh, có chúi đầu vào con đường khoa cử cũng vô nghĩa. Sách vở của thánh hiền liệu còn có ích gì trong sự nghiệp cứu nước nhà.

Non sông đã chết, sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu học của hoài.

Phan Bội Châu đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trước hết. Ông nói bằng tất cả nhiệt huyết và chân thành. Ông nhắc nhở mọi người phải đoạn tuyệt với lối học cử tử, không thể đắm chìm trong vòng hư danh, mà phải hăm hở đi tìm lí tưởng cao cả. Trong bài Bài ca chúc tết thanh niên viết vào dịp Tết năm 1927. Cụ thiết tha kêu gọi thanh niên:

Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi

Xếp bút nghiên mà tu dưỡng lấy tinh thần

Đừng ham chơi, đừng ham mặc, ham ăn

Dựng gan óc lên đánh tan sắt lửa

Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ...

Sống như thế là sống đẹp. Sống như thế mới mong làm nên điều lạ ở trên đời, mới tự khẳng định được: Trong khoảng trăm năm cần có tớ. Phần kết là sự kết tinh của một hồn thơ bay bổng đượm sắc lãng mạn:

Nguyệt trọc trường phong Đông hải khứ,

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Thơ văn Phan Bội Châu là thơ văn tuyên truyền, cổ vũ lòng yêu nước, khơi gợi lòng căm thù giặc. Thơ văn Phan Bội Châu sở dĩ trở thành những bác ái quốc vì thâm đượm cảm xúc, sôi sục nhiệt huyết, có nhiều hình tượng đẹp nói về cảm hứng yêu nước và lí tưởng anh hùng. Hai câu kết là một ví dụ hùng hồn: Trường phong - Ngọn gió dài. Thiên trùng bạch lãng - ngàn lớp sóng bạc, là hai hình tượng kì vĩ. Chí khí của người chiến sĩ cách mạng được diễn tả qua các vị ngữ nguyệt trọc (mong đuổi theo) và nhất tề phi (cùng bay lên).

Cái không gian mênh mông mà nhà chí sĩ mong vượt qua là Đông hải. Hai thanh trắc cho âm điệu cất lên, bay lên. Âm hưởng bổng trầm ấy cũng góp phần thể hiện quyết tâm mạnh mẽ lên đường cứu nước của Phan Bội Châu. Ở đây nội lực, bản lĩnh chiến đấu và khẩu khí của người chiến sĩ có sự hòa hợp, gắn bó và thông nhất. Sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu đã cho hậu thế biết rõ và cảm phục điều Tiên sinh đã nói ở hai câu kết.

Lưu biệt khi xuất dương là bài thơ tuyệt tác đầy tầm huyết. Bài thơ là tiếng nói tự hào của nhà chí sĩ giàu lòng yêu nước, thương dân, dám xả thân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Một giọng thơ đĩnh đạc hào hùng. Tráng lệ nhất là ở hai câu kết. Bài thơ thể hiện một cách sâu sắc nhất cảm hứng yêu nước và lí tưởng anh hùng của nhà chí sĩ vĩ đại Phan Bội Châu.

Bài văn mẫu số 8: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu được nhắc đến là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có ý thức dùng văn chương để vận động, tuyên truyền cách mạng. Ông cũng chính là người khơi dòng cho loại văn chương trữ tình chính trị. Trong đó, bài thơ "Lưu biệt khi xuất dương" là một tác phẩm tiêu biểu.

Đây là bài thơ được viết trong bữa cơm ngày Tết mà Phan Bội Châu đã tổ chức ở nhà mình để chia tay với các bạn bè, đồng chí trước lúc lên đường sang Nhật Bản năm 1905. "Lưu biệt khi xuất dương" đã thể hiện ý tưởng lớn lao, mới mẻ đầy trách nhiệm của tác giả, thể hiện niềm hăm hở, quyết tâm cao độ trong buổi đầu vượt biển đi ra nước ngoài để "mưu sự phục quốc".

Chỉ làm trai đã được nhắc đến trong văn học từ thời xa xưa nhưng đặc biệt được đề cao ở thời kì chế độ phong kiến, thời kì đạo Nho phát triển mạnh mẽ. Nam nhi phải có công danh, sự nghiệp thì mới đáng làm trai. Chẳng vậy mà trong bài thơ "Tỏ lòng", Phạm Ngũ Lão đã viết:

"Công danh nam tử còn vương nợ

Luống then tai nghe chuyện Vũ Hầu"

Hay Nguyễn Công Trứ cũng từng viết:

"Chí làm trai nam, bắc, tây, đông

Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể".

Muốn trở thành bậc nam nhi được mọi người công nhận thì phải biết phấn đấu, lập được công trạng, có được danh vọng, có sức vóc "vẫy vùng" khắp bốn bể để chứng minh tài năng, bản lĩnh của bản thân. Kế thừa tư tưởng ấy của Nho giáo, Phan Bội Châu đã đưa ra một quan điểm về chí làm trai như một tuyên ngôn đầy khí thế:

"Sinh vi nam tử yếu hi kỳ,

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển dời".

(Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời)

Trước hết, ông cho rằng, làm trai phải "lạ", có nghĩa là phải sống khác mọi người, không được giống với bất kì ai để tạo nên điểm riêng biệt. "Lạ" cũng có nghĩa là điều phi thường, hiển hách, xoay chuyển cả trời đất. Đó là lối sống chủ động, không chùn bước, nản chí để mặc cho hoàn cảnh chi phối mà phải có bản lĩnh để chi phối hoàn cảnh.

Nhân vật trữ tình dám đối mặt với càn khôn, đất trời, vũ trụ để tự khẳng định bản thân, phấn đấu đạt được giấc mộng công danh. Phan Bội Châu ôm ấp khát vọng xoay chuyển được càn khôn chứ không để "càn khôn tự chuyển dời". Ông không đầu hàng, khuất phục trước số phận, hoàn cảnh mà dùng chính khả năng của mình để thay đổi hoàn cảnh.

Có thể nói, chí làm trai của ông là chí làm trai của một đấng nam nhi hiên ngang trong vũ trụ, dám ngạo nghễ và thách thức với trời đất. Con người mang tầm vóc lớn lao, tầm vóc vũ trụ ấy luôn mang trong mình ý thức, trách nhiệm của cá nhân trước thời cuộc:

"U bách niên trung tu hữu ngã,

Khởi thiên tài hậu cánh vô thù"

(Trong khoảng trăm năm cần có tớ

Sau này muôn thuở, há không ai?)

Trong cuộc đời trăm năm hữu hạn, Phan Bội Châu muốn cống hiến sức mình cho đất nước, làm nên những công trạng phi thường, lớn lao để xứng đáng làm một nam nhi lưu danh vào thiên cổ ngàn năm. Tác giả đã tự khẳng định bản thân mình, đây là cái tôi mang đầy trách nhiệm, chủ động tích cực chứ không phải cái tôi vị kỉ, chỉ biết lo nghĩ cho lợi ích của cá nhân.

Ở hai câu thực có sự đối nhau hài hòa giữa sự vô hạn của thời gian và sự hữu hạn của đời người, Phan Bội Châu dùng cái phủ định để làm nền, làm nổi bật lên điều ông khẳng định. Ông muốn làm những điều phi thường, lưu lại tên tuổi của mình trong sử sách để không hổ thẹn với chí làm trai mà mình đã lấy làm lí tưởng sống. Cống hiến cho đời vừa là nghĩa vụ vừa là trách nhiệm của bậc trượng phu.

Trong một trăm năm hữu hạn ấy, người nam nhi phải thực hiện được chí làm trai và cũng trong ngàn năm sau đó phải để lại được tiếng thơm cho đời. Hai câu thơ như lời thúc giục khơi dậy tinh thần xả thân vì nghĩa lớn của con người, đặc biệt là những thanh niên trai tráng phải góp hết sức mình vào công cuộc cứu nước, tìm ra hướng đi mới cho dân tộc. Gắn với hoàn cảnh thực tại của đất nước, Phan Bội Châu đã nêu lên trách nhiệm mà người nam nhi cần có đối với vận mệnh dân tộc:

"Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,

Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si"!

(Non sông đã chết, sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài !)

Đất nước bị xâm lược, non sông cũng không còn nữa thì ta có sống cũng chỉ chuốc lấy sự nhục nhã, ê chề. Sách vở, người có học thức cũng trở thành vô nghĩa khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được ông đặt lên hàng đầu bởi ông ý thức được thời cuộc. Sách vở cũng không có ý nghĩa gì khi nước mất nhà tan. Việc làm quan trọng và thiết thực nhất lúc bấy giờ là tìm được con đường, hướng đi cho đất nước để thoát khỏi sự xâm lược, bóc lột của thực dân Pháp.

Phan Bội Châu là một người yêu nước và ông cũng mong rằng phong trào Đông du do mình lãnh đạo sẽ gặt hái được nhiều thành quả giúp ích cho nước nhà. Bên cạnh đó, hai câu luận cũng có ý nghĩa thức tỉnh những con người có tấm lòng yêu nước. Đây cũng là lúc để họ xoay chuyển càn khôn, xoay chuyển cục diện, tình hình của dân tộc. Hai câu kết của bài thơ đã thể hiện khí thế, sự quyết tâm cao độ trên con đường cứu nước mà mình đã chọn của người chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu:

"Nguyện trực trường phong Đông hải khứ,

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi"!

(Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.)

Ông có khát vọng lớn lao muốn đuổi theo ngọn gió dài đi qua biển Đông. Khát khao đó thể hiện ý chí, khát vọng hành động và tư thế của nhân vật trữ tình. Con người muốn bay lên cùng cơn gió để bắt kịp thời đại. "Bê đông", "cánh gió", "sóng bạc" là những hình ảnh thơ kì vĩ, hào hùng ẩn dụ cho khát vọng vượt lên hiện thực tăm tối để tìm đường cứu nước của Phan Bội Châu.

Tác giả "nguyện" vì lí tưởng cao đẹp mà vượt qua tất cả những gian khó, thử thách để chạm được đích đến, hoàn thành chí làm trai của bậc nam nhi ở đời. Bản dịch thơ của Tôn Quang Phiệt tuy chưa dịch sát nghĩa của từ "nhất tề phi" nhưng cũng đã phần nào thể hiện sức mạnh, lòng yêu nước tràn đầy nhiệt huyết và tinh thần chiến đấu sục sôi của tác giả.

Trong bối cảnh của thời đại mới, con người cần phải có những tư tưởng hành động bắt kịp thời đại, có như vậy mới tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn, mang lại sự tự do cho dân tộc. Và với Phan Bội Châu, con đường mới của ông là con đường sang Nhật Bản để học tập, chuẩn bị lực lượng hùng mạnh để nắm bắt thời cơ giành lại nền độc lập cho nước nhà.

Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật có giọng điệu hào hùng, tràn đầy tâm huyết có sức mạnh lay động mạnh mẽ đến các thanh niên yêu nước. "Lưu biệt khi xuất dương" đã khắc họa tâm thế, khát khao ra đi tìm đường cứu nước của một nhà cách mạng đầu thế kỉ XX. Nhân vật trữ tình mang một vẻ đẹp mới mẻ, tràn đầy khí thế của thời đại.

Bài văn mẫu số 9: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu vốn được biết đến là một chí sĩ yêu nước, là một người lãnh đạo nhiều phong trào yêu nước. Tuy con đường mà Phan Bội Châu đang đi gặp nhiều chông gai và đến cuối cùng ông phải chịu thất bại nhưng ông vẫn là tấm gương sáng của thế hệ mai sau. Không chỉ là một người chí sĩ, Phan Bội Châu còn là một người nghệ sĩ với nhiều tác phẩm hay.

Năm 1905, Hội Duy Tân của có chủ trương phong trào Đông Du, và đưa thanh niên ưu tú sang Nhật. Việc này vừa nhằm mục đích chuẩn bị lực lượng nòng cốt cho cách mạng, vừa nhằm mục đích tranh thủ sự giúp đỡ của các thế lực bên ngoài. Ngày trước khi lên đường, Phan Bội Châu đã làm bài thơ Lưu biệt khi xuất dương để bày tỏ quan điểm và cảm xúc của mình đối với những người đồng chí, đồng đội.

Trong bài thơ Xuất dương khi lưu biệt, Phan Bội Châu đã sử dụng ngôn ngữ thơ giàu sức lay động. Người chí sĩ cách mạng hiện lên trong thơ mang một vẻ đẹp vừa lãng mạn, vừa hào hùng. Trong buổi ra đi tìm đường cứu nước, những tư tưởng mới mẻ, táo bạo của nhà chí sĩ cách mạng được thể hiện một cách cháy bỏng. Mở đầu bài thơ, Phan Bội Châu đã khẳng định chí làm trai ở trong trời đất:

Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời

Trước đây, Nguyễn Công Trứ cũng đã từng nói về chí làm trai rằng đã làm trai ở trong trời đất thì phải có danh gì với núi sông. Giờ đây, Phan Bội Châu cũng nói về chí làm trai nhưng viết theo một cách khác mới mẻ hơn. Đó chính là làm trai thì phải làm nên được điều lạ ở trên đời.

Điều lạ ở đây có thể hiểu là đứng lên chống lại kẻ thù. Làm trai thì phải chủ động chứ không nên bị động để số phận cuộc đời mình cho trời đất xoay chuyển. Đó là một lời thuyết phục thế hệ trẻ phải biết táo bạo và quyết liệt hơn nữa. Chí làm trai của Phan Bội Châu đã vượt qua cái mộng công danh xưa nay là gắn với tam cương, ngũ thường của Nho giáo. Chí làm trai của Phan Bội Châu vươn tới lí tưởng xã hội rộng lớn và cao cả.

Một phần cảm hứng ấy có lẽ cũng xuất phát từ lý tưởng trí quân, trạch dân của nhà Nho thưở trước nhưng vì mang tính chất cách mạng nên tư tưởng trở nên tiến bộ hơn. Đúng như tự nhiên, con tạo xoay vần là lẽ tự nhiên nhưng Phan Bội Châu không chấp nhận điều đó.

Ông muốn xoay chuyển cả càn khôn chứ không để nó tự chuyển vần. Điều này đồng nghĩa với việc Phan Bội Châu không chấp nhận khuất phục số phận hay hoàn cảnh. Sang đến hai câu thực, nhà thơ ý thức rõ về trách nhiệm của mình trước lịch sử, trước vận mệnh của đất nước:

Trong khoảng trăm năm cần có tớ

Sau này muôn thuở há không ai

Không chỉ đơn giản là xác nhận sự có mặt của nhân vật trữ tình ở trên đời mà câu thơ thứ ba còn hàm chứa một tâm niệm đó là sự hiện diện của tác giả trên đời không phải điều ngẫu nhiên. Chính từ ý thức đó, nhà thơ tự thấy bản thân cần phải làm những điều có ích bởi vì sau này, chắc cũng sẽ có người nối tiếp con đường mà mình đã đi. Cái chí làm trai không chỉ là cái lý tưởng suy nghĩ ở trong lòng tác giả mà nó được tác giả đặt vào trong hoàn cảnh thực tế của lịch sử:

Non sông đã chết sống thêm nhục

Hiền thánh còn đâu học cũng hoài

Ở mỗi thời, có lẽ chí làm trai mỗi khác. Nếu như ở thời bình, chí làm trai là thi đỗ, làm quan thì thời chiến, sự nghiệp học hành, theo đuổi hiền thánh không còn đúng nữa. Nếu đất nước lâm nguy, rơi vào tay giặc thì việc học hành nào có ích gì. Non sông mà không còn thì sống chỉ thêm nhục. Đó là lý tưởng của con người thời đại. Đối với Phan Bội Châu, việc bây giờ là phải đánh đuổi được giặc thù. Hai câu thơ cuối đã thể hiện được khát vọng muốn vươn ra biển lớn của nhà thơ:

Muốn vượt biển Đông theo cánh gió

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi

Hình ảnh trong hai câu thơ mang tầm vũ trụ, nó khiến cho ý chí của tác giả trở nên lớn lao hơn, kì vĩ hơn. Tất cả mọi thứ cứ như hòa nhập lại và cùng nhau thăng hoa.

Bài thơ Lưu biệt khi xuất dương đã có sức lay động lòng người, khích lệ tinh thần tướng sĩ lúc bấy giờ. Đây xứng đáng là một kiệt tác mà không chỉ thế hệ trước, cả thế hệ chúng ta, thế hệ sau này cũng đều rút ra được bài học cho riêng mình.

Bài văn mẫu số 10: Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương

Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhà yêu nước và cách mạng lớn của dân tộc, trong ông luôn sục sôi ý chí tìm ra con đường cứu nước mới cho dân tộc.

Tuy văn tài lỗi lạc nhưng ông không xem văn chương là con đường sự nghiệp của mình, ông chỉ muốn dùng nó để lên tiếng cho cách mạng, cho dân tộc đang sống trong đói khổ lầm than, để những người thanh niên yêu nước đứng dậy làm cách mạng cứu nước, cứu dân. Tinh thần yêu nước ấy được thể hiện rõ trong tác phẩm “Lưu biệt khi xuất dương” (1905) được ông sáng tác trước lúc lên đường sang Nhật.

Tác phẩm được viết bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Mang hình thức cổ điển, khí thơ và cảm hứng lại rất hiện đại, đó là sản phẩm tinh thần của một nhà nho tiến bộ. Bài thơ thể hiện một lí tưởng sống cao đẹp, đồng thời là một bài học về đạo làm người, một bài ca hùng tráng về chí nam nhi của nhân vật trữ tình mang vẻ đẹp lãng mạn và hào hùng.

Thật xứng đáng với vẻ đẹp ấy, Phan Bội Châu mở đầu bài thơ không phải là những lời chia tay, nhớ thương bịn rịn của người đi kẻ ở lại, mà đó là những câu thơ mang lí tưởng hoài bão của con người đang sục sôi ý chí muốn làm chủ vũ trụ, muốn xoay chuyển càn khôn đất trời:

“Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời”

(Sinh vi Nam tử yếu hi kì

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển dời)

Hai câu thơ là một lí tưởng đẹp của con người. Con người phải làm chủ bước đi của lịch sử, phải chủ động trước hoàn cảnh. "Làm trai" là khẳng định chí khí của thanh niên, sống là phải "lạ", làm nên sự nghiệp lớn để lại tiếng thơm muôn đời, đem lại cho đất nước cuộc sống ấm no, không thể sống tầm thường ích kỉ, chỉ cảm thụ cuộc sống riêng mình. Trước Phan Bội Châu đã có bao nhiêu con người ưu tú nói về chí làm trai với lòng nhiệt thành cháy bỏng - “Nam nhi vị liễu công danh trái / Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”(Phạm Ngũ Lão).

Song, hai câu thơ của cụ Phan vừa như một câu hỏi tu từ khẳng định chí làm trai giữa trời đất vừa là lời đối thoại rằng không lẽ đấng nam nhi lại để mặc cho trời đất tự chuyển dời, tới đâu thì tới, còn “chúng ta” là kẻ đứng ngoài không phận sự hay sao? Chỉ hai câu đề ta cũng thấy được một lối sống cao đẹp tiến bộ đầy bản lĩnh, sẵn sàng thách thức càn khôn vũ trụ mang vẻ đẹp của khí phách hào hùng người chí sĩ Phan Bội Châu. Khí phách ấy lại vang lên mạnh mẽ hơn trong hai câu thơ tiếp theo:

“Trong khoảng trăm năm cần có tớ

Sau này muôn thuở há không ai? ”

Nhân vật trữ tình ý thức được trách nhiệm của mình trước đồng loại, trước đất trời bao la. “Trong khoảng trăm năm” này cần có một người sẵn lòng phục vụ cách mạng, phục vụ những lí tưởng cao đẹp mang lại yên bình cho đồng loại. “Trăm năm” ẩn dụ cho một đời người, một cuộc sống mà “tớ” có trách nhiệm gánh vác.

Cái tôi của tác giả mang đầy trách nhiệm, “tớ” đang hiện diện hôm nay phải làm được một điều gì đó có ý nghĩa cho đời, “tớ” thấy việc không thể không làm, không thể ỷ lại cho ai. Cái tôi về trách nhiệm ấy lại cho ta thấy được lịch sử là một dòng chảy liên tục, có sự chung tay góp sức của nhiều thế hệ.

”Sau này muôn thuở há không ai?” - câu thơ vừa đặt ra cho ông cũng như cho những người thanh niên yêu nước của dân tộc trước cảnh nước nhà. Song, ông cũng đặt một niềm tin về thế hệ mai sau của dân tộc sẽ làm nên chuyện lạ, sẽ làm nên non sông này ngàn đời tươi đẹp. Giọng thơ đĩnh đạc hào hùng mang niềm tin của nhân vật trữ tình, đồng thời khẳng định vai trò của cá nhân ông, thúc giục những chí sĩ yêu nước lên đường. Cái chết vinh quang hay cuộc sống tủ nhục lại được nhân vật trữ tình thể hiện trong hai câu tiếp theo:

Non sông đã chết sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu học cũng hoài.

Câu thơ mang nỗi đau đớn, xót xa của tác giả. Lúc này, khi dân tộc đã mất tự do, chủ quyền đất nước bị xâm hại, thì việc đầu tiên, cần thiết nhất không phải học văn chương cử tử nữa. Câu thơ không có ý chê bai hay bài xích chuyện học đạo thánh hiền mà chỉ có ý khuyên con người ta phải sống với thời cuộc. Nước mất thì nhà tan, dân chúng lầm than, đói khổ, đạo đức xã hội suy đồi khiến những con người có trách nhiệm với dân tộc phải suy nghĩ mà đau lòng.

Với nghệ thuật đối lập được ông sử dụng một cách tài tình - gắn sự sống chết công danh của bản thân với sự mất còn vinh nhục của đất nước. Hình ảnh này vừa mang vẻ đẹp lãng mạn - sự nhận thức sâu sắc về thời cuộc - lại mang khí phách hào hùng của đấng nam nhi khi lòng nhiệt huyết đưa dân tộc ra khỏi kiếp sống lầm than đang len lỏi khắp da thịt ông.

“Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.”

Việc “lạ” của nhân vật trữ tình đang nung nấu sắp khởi hành. Tư thế hăm hở, mang lòng quyết tâm về cuộc xuất dương cứu nước, nhà thơ thoát ra khỏi tủ thẹn, day dứt của hai câu thơ trước để sang hai câu thơ cuối, rồi lên chiếc thuyền sắp ra khơi. Những “cánh gió” “sóng bạc” mang vẻ đẹp lãng mạn về những sóng gió, thặng trâm phía trước. Nhưng những hình ảnh này lại được ông khắc họa bằng giọng thơ hào hùng, bay bổng.

Tâm thế của nhân vật trữ tình lúc này là muốn lao ngay vào một con đường hoạt động mới, bay lên quây sóng đại dương, bay lên cùng những đợt sóng trào sôi thoảng hiện trong tâm

trí ông. ông không xem đó là những cách trở, những vật cản trên con đường sự nghiệp cách mạng của mình, mà trái lại ông xem chúng như bạn đường, là đối tượng để mình đua sức đua tài. Nhiệt huyết cứu nước cứu đồng loại đã lấn át nỗi lo âu trong ông.

Khí thế ra đi thật hùng dũng và đầy quyết tâm, tràn trề sức mạnh. Hình ảnh kết thúc bài thơ hào hùng, lãng mạn, thể hiện được tư thế ra đi đầy khí phách của con người trong thời đại mới. Người ra đi đã gửi gắm bao nhiêu hi vọng vào con đường mình đã chọn.

Bài thơ là cuộc chia tay từ biệt nhưng cũng là tiếng hô gọi, là bàn tay vẫy gọi những lý tưởng cách mạng mới những con người yêu nước của thế hệ thanh niên tràn đầy nhựa sống và phía xa xa kia là cánh cửa cuộc sống ấm no hạnh phúc của muôn dân.

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là hình tượng đẹp về một nhà nho tiến bộ đầu thế kỉ XX với lí tưởng cứu nước, khát vọng sống, chiến đấu vì dân tộc, lòng tin và ước mơ về một tương lai tươi sáng. Những hình ảnh kì vĩ về vũ trụ bao la càng làm rõ vẻ đẹp lãng mạn hào hùng của người lên đường - chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài Lưu biệt khi xuất dương Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.